



yún tái
芸苔

noun · rape (plant); rapeseed

Example Sentence

Nóng mín zài tián dì lǐ zhòng zhí yún tái yòng lái zhà qǔ cài zǐ yóu.
农民在田地里种植芸苔，用来榨取菜籽油。

Farmers grow rape in the fields to extract rapeseed oil.

Trace each character, then write the word on your own.

芸	芸	芸	芸	芸	芸	芸	芸	芸	芸
苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔